

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HS-ST
Ngày: 21-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bảo Huy và Ông Nguyễn Hòa Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Bình An - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2018/HS-ST ngày 13/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Ngô Văn Q, sinh ngày 25/12/1995 tại A, Gia Lai; trú tại: Tổ 2, phường X, thị xã A, Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Quang K và bà Nguyễn Thị T (chết); vợ là Nguyễn Thị Tuyết M; bị cáo có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 08/12/2017 đến ngày 14/12/2017 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

* *Người bị hại:* Phạm Thị N, sinh năm 1968; trú tại: Tổ 12, phường Z, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Lê Văn P, sinh năm 1982; trú tại: Tổ 5, phường Z, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

2. Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1992; trú tại: Tổ 2, phường U, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

3. Phan Thị Phương S, sinh năm 1990; trú tại: Tổ 5, phường Z, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

4. Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1977; trú tại: Tổ 6, phường Z, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 12/2017, Ngô Văn Q đến nhà ông Trần Y ở thôn 4, xã I, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai làm thuê. Khoảng 14 giờ ngày 03/12/2017, Q

mượn xe mô tô Biển kiểm soát 81N-8378 của ông Y đi cắt tóc, ông Y đồng ý và giao xe. Q điều khiển xe mô tô đi từ huyện Kông Chro đến khu vực thị xã A. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Q điều khiển xe mô tô đến Trung tâm Thương mại thị xã A mục đích trộm cắp tài sản. Q dựng xe, rồi theo lối cầu thang lên tầng 2 nhưng không phát hiện được gì. Q đi xuống dưới sảnh, đến ki ốt của bà Nguyễn Thị M có phủ bạt xanh bên ngoài, Q dỡ bạt lên lấy 01 cái kéo bằng sắt dài khoảng 23 cm, cán nhựa màu đen rồi đến ki ốt của bà Phạm Thị N. Q dùng kéo cắt tôn cửa bên trái ki ốt của bà N một lỗ kích thước: 43x22cm, cách mặt đất 144cm. Sau đó Q lấy 01 chiếc ghế gỗ dài 1,5m, cao 50cm và 02 viên gạch (loại gạch ống 6 lỗ) gần đó đặt lên ghế rồi đứng trên 02 viên gạch chui vào bên trong ki ốt của bà N. Khi vào trong, Q lấy 69 cây thuốc lá gồm: 30 cây thuốc lá con ó, 27 cây thuốc lá ngựa đen, 05 cây thuốc lá ngựa trắng, 02 cây thuốc lá Sài Gòn bạc, 02 cây thuốc lá Sài Gòn trắng, 02 cây thuốc lá Sài Gòn vàng, 01 cây thuốc lá Caraven và 03 hộp thịt bò, 11 hộp Pate heo bỏ tất cả vào 02 bì ni long đưa ra ngoài. Q mang tài sản trộm cắp bán cho bà Nguyễn Thị Thanh H ở tổ 06, phường Z, thị xã A 35 cây thuốc lá các loại với số tiền: 1.350.000đ; bán cho bà Phan Thị Phương S 19 cây thuốc với giá: 750.000đ; bán cho 03 người phụ nữ đi bán dạo không xác định được lai lịch 15 cây thuốc với giá: 450.000đ. Số tiền bán thuốc lá Q tiêu xài hết, còn 14 lon thịt Q đem đến căn nhà hoang trên đường Lê Duẩn thuộc tổ 06, phường Z, thị xã A rồi ăn hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 83/KLĐGTS ngày 13/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã A xác định, giá trị: 69 cây thuốc lá gồm: 30 cây thuốc lá con ó, 27 cây thuốc lá ngựa đen, 05 cây thuốc lá ngựa trắng, 02 cây thuốc lá Sài Gòn bạc, 02 cây thuốc lá Sài Gòn trắng, 02 cây thuốc lá Sài Gòn vàng, 01 cây thuốc lá Caraven và 03 hộp thịt bò, 11 hộp Pate heo là 6.551.000đ (*Sáu triệu, năm trăm năm mươi một nghìn đồng*).

Quá trình điều tra mở rộng xác định, ngoài hành vi trộm cắp nói trên Ngô Văn Q còn thực hiện 02 lần vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể như sau:

Lần 01: Vào khoảng 20 giờ ngày 13/11/2017, Ngô Văn Q đi bộ đến Trung tâm Thương mại thị xã A để trộm cắp tài sản. Q đi đến ki ốt của bà Nguyễn Thị M lấy 01 cái kéo bằng sắt, dài khoảng 23 cm, cán nhựa màu đen rồi đến ki ốt của bà Phạm Thị N cắt cửa tôn, chui vào bên trong lấy 20 cây thuốc lá gồm: 08 cây thuốc lá hiệu con ó, 01 cây thuốc lá hiệu ngựa trắng, 02 cây thuốc lá hiệu Sài Gòn vàng, 02 cây thuốc lá hiệu Sài Gòn trắng, 07 cây thuốc lá hiệu Sài Gòn bạc. Sau đó, Q để cây kéo ở vị trí cũ rồi mang số thuốc lá vừa trộm được đến bán cho bà chị Nguyễn Thị Thu D ở Tổ 2, phường U với giá: 1.000.000đ, số tiền này Q tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 85/KLĐGTS ngày 13/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã A xác định, giá trị: 08 cây thuốc lá hiệu con ó, 01 cây thuốc lá hiệu ngựa trắng, 02 cây thuốc lá hiệu Sài Gòn vàng, 02 cây thuốc lá hiệu Sai Gòn trắng, 07 cây thuốc lá hiệu Sai Gòn bạc có tổng trị giá: 1.880.000đ (*Một triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng*).

Lần 02: Vào khoảng 19 giờ, ngày 07/12/2017, Q đến ki ốt của ông Lê Văn P tại Trung tâm Thương mại thị xã A dỡ bạt rồi lấy 01 thùng mì tôm (100 gói)

hiệu Kokomi thì bị nhân viên Ban quản lý Trung tâm Thương mại thị xã A bắt quả tang.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 81/KLDGTS ngày 13/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã A xác định, giá trị 01 thùng mì tôm (100 gói) hiệu Kokomi giá trị là 180.000đ (*Một trăm tám mươi nghìn đồng*).

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thị xã A đã thu giữ các vật chứng gồm: 74 cây thuốc lá (740 gói) và 14 vỏ lon thịt hộp; 01 thùng mì tôm (100 gói) hiệu Kokomi; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha jupiter, biển kiểm soát 81N1-8378. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an thị xã A đã trả lại cho bà Phạm Thị N 74 cây thuốc lá và 14 vỏ lon thịt hộp; trả lại cho ông Lê Văn P 01 thùng mì tôm hiệu Kokomi; trả lại cho ông Trần Y 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha jupiter, biển kiểm soát 81N1-8378.

Tại Bản cáo trạng số: 02/CTr-VKS ngày 13/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Ngô Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Ngô Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Về dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 598 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 1.350.000đ (*Một triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tại phiên tòa người bị hại Phạm Thị N trình bày: Vào tối ngày 03/12/2017 bà bị kẻ gian cắt cửa ki ốt tại Trung tâm Thương mại thị xã A và lấy 69 cây thuốc lá gồm: 30 cây thuốc lá con ó, 27 cây thuốc lá ngựa đen, 05 cây thuốc lá ngựa trắng, 02 cây thuốc lá Sài Gòn bạc, 02 cây thuốc lá Sài Gòn trắng, 02 cây thuốc lá Sài Gòn vàng, 01 cây thuốc lá Caraven và 03 hộp thịt bò, 11 hộp Pate heo. Ngoài ra vào ngày 13/11/2017, bà còn bị mất 20 cây thuốc lá các loại. Quá trình điều tra đã xác định được Ngô Văn Q là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho bà 74 cây thuốc lá các loại. Còn lại 15 cây thuốc và 14 lon thịt hộp không thu hồi được bà không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Bà yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của bà Nguyễn Thị Thanh H tại phiên tòa và lời khai của ông Lê Văn P, bà Phạm Thị Phương Sang, ông Trần Y, bà Nguyễn Thị Thu D có tại hồ sơ thể hiện:

Ông Lê Văn P khai đã bị mất 01 thùng mì tôm hiệu Kokomi đã được Cơ quan điều tra thu hồi và trả lại nên ông không có yêu cầu gì về dân sự.

Bà Phan Thị Phương S, bà Nguyễn Thị Thu D và bà Nguyễn Thị Thanh H là những người mua tài sản do Ngô Văn Q bán. Khi mua họ không biết những tài sản này do Q phạm tội mà có. Bà S và bà D không yêu cầu bị cáo phải bồi

thường. Riêng bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 1.350.000đ.

Ông Trần Y khai khi cho Ngô Văn Q mượn xe mô tô ông không biết Q sử dụng vào mục đích trộm cắp tài sản. Hiện nay ông đã nhận lại xe mô tô đúng nguyên hiện trạng nên ông không yêu cầu về dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến kiến nghị hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 21 giờ ngày 03/12/2017, bị cáo Ngô Văn Q lén lút chiếm đoạt 69 cây thuốc lá các loại và 14 lon thịt hộp của bà Phạm Thị N trị giá 6.551.000đ (Sáu triệu năm trăm năm mươi một ngàn đồng) tại Trung tâm thương mại thị xã A ở Tổ 12, phường Z, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vì vậy đã đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Ngô Văn Q phạm tội ‘Trộm cắp tài sản’.

[3] Về áp dụng pháp luật: Tại phiên tòa, Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015 và các quy định tương ứng của Bộ luật Hình sự 2015 để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. HĐXX xét thấy: Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, mặt khác mức hình phạt về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự 1999 bằng mức hình phạt về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, vì vậy theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo trộm cắp tài sản có giá trị trên 2.000.000đ nhưng dưới 50.000.000đ nên đã vi phạm vào khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa người bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy cần áp dụng hình

phạt tù cách ly ra ngoài xã hội để có thời gian cải tạo giáo dục đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục và răn đe.

[7] Về dân sự: Người bị hại bà Phạm Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị Phương S, bà Nguyễn Thị Thu D, ông Lê Văn P và ông Trần Y không có yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét. Đối với bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu bị cáo Ngô Văn Q phải trả lại số tiền 1.350.000đ từ việc mua bán 35 cây thuốc lá, xét yêu cầu của bà Hương là có cơ sở và đúng pháp luật do đó cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 1.350.000đ.

[8] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã xử lý theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[9] Không có cơ sở xác định khi mua thuốc lá do bị cáo Ngô Văn Q bán bà Phạm Thị Phương S, bà Nguyễn Thị Thu D, bà Nguyễn Thị Thanh H biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà Phạm Thị Phương S, bà Nguyễn Thị Thu D, bà Nguyễn Thị Thanh H về hành vi này.

[10] Ngoài hành vi trộm cắp tài sản nói trên, ngày 13/11/2017 bị cáo Ngô Văn Q còn có hành vi trộm cắp 20 cây thuốc lá của bà Phạm Thị N trị giá 1.880.000đ và ngày 07/12/2017 trộm cắp của ông Lê Văn P 01 thùng mì tôm trị giá 180.000đ. Xét thấy, hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 13/11/2017 và ngày 07/12/2017 chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm và bị cáo không thực hiện liên tục với hành vi trộm cắp tài sản của bà Phạm Thị N vào ngày 03/12/2017 nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã A chuyển xử lý hành chính về hành vi này là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xét.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015;

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Ngô Văn Q 06(sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 08/12/2017).

Về dân sự: Buộc bị cáo Ngô Văn Q phải bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Thanh H với số tiền là: 1.350.000đ (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc bị cáo Ngô Văn Q phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (21/3/2018), bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tứ Hải

